



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Công nghệ ITD

Ngày 30/06/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.7%	11.0%	13.5%

DT thuần Q2/25
98.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼299 -75.3%
YoY: ▲ 10.5 12.0%

LN thuần Q2/25
7.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.0 -88.1%
YoY: ▲ 4.42 163%

LN sau thuế Q2/25
5.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼50.4 -90.3%
YoY: ▲ 4.46 475%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
8.6%
YoY: +/-▼ 8.8%

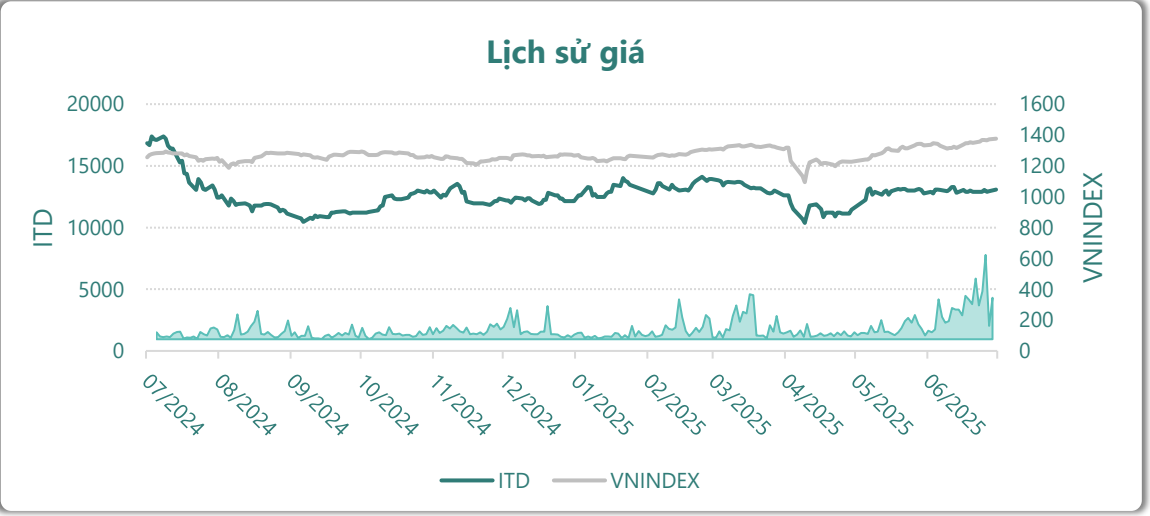
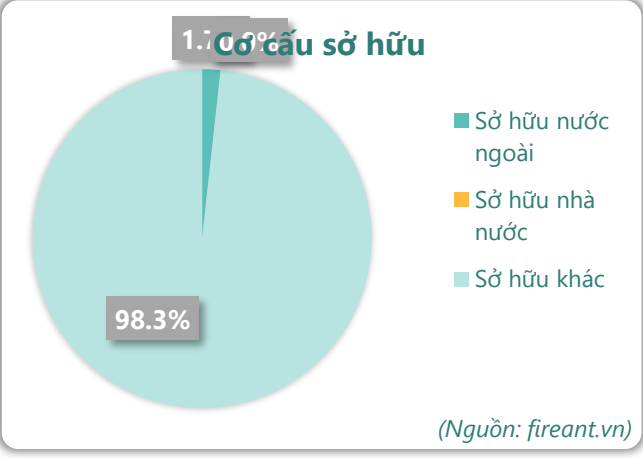
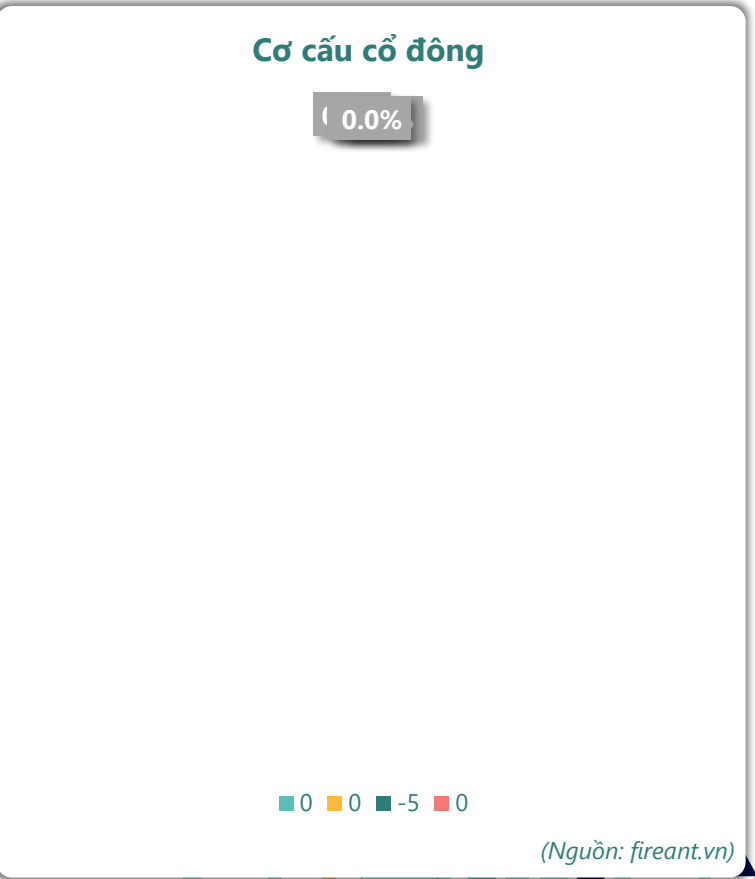
ROE (TTM) Q2/25
13.0%
YoY: +/-▲ 0.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,374 - 17,383
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	342
Số lượng CPLH (CP)	24,461,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,145
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.91
EPS	2,021
P/E	6.9

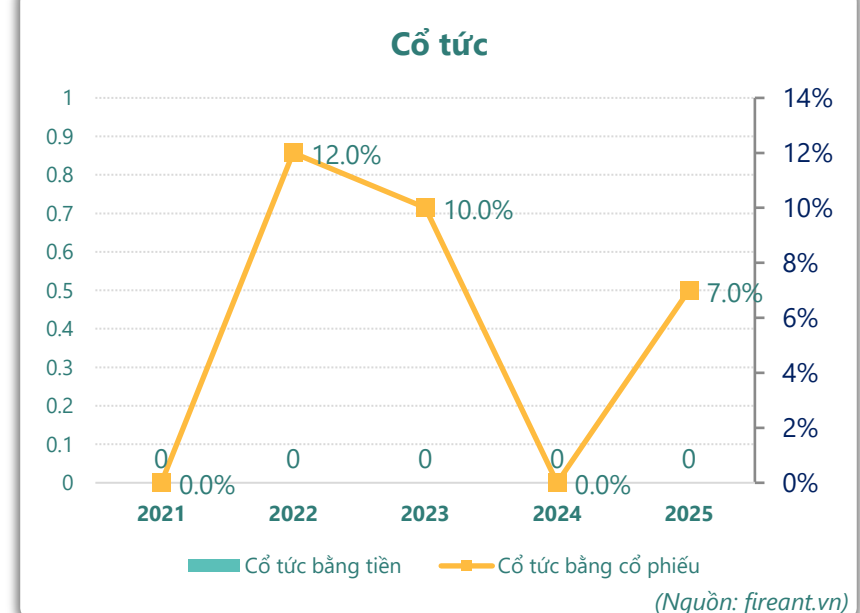
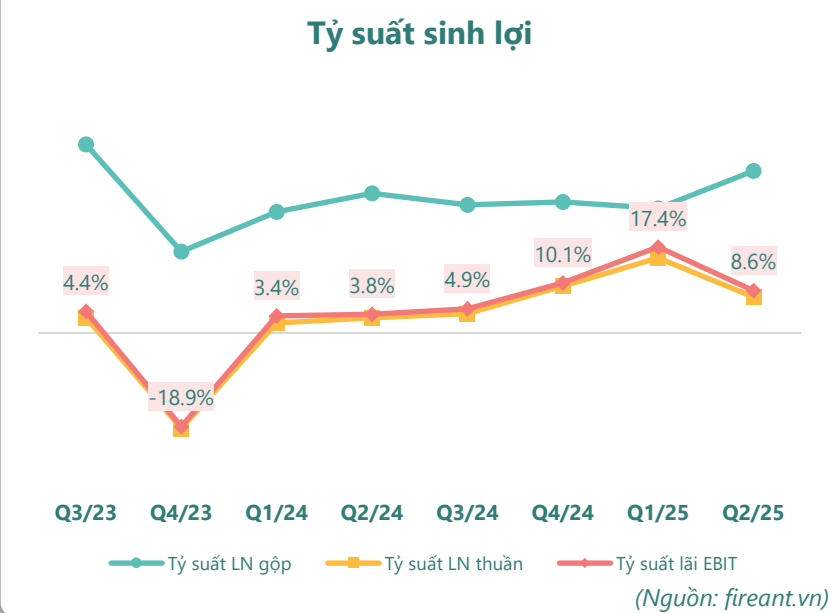
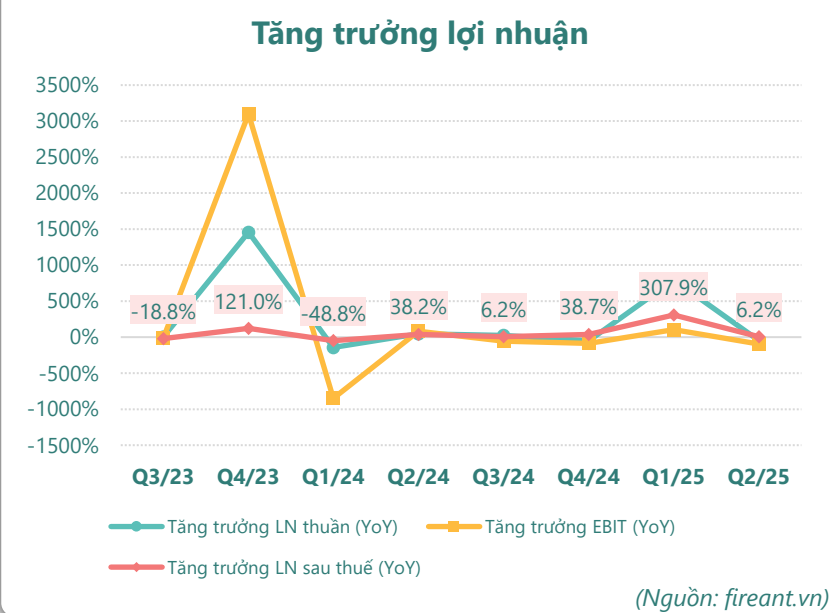
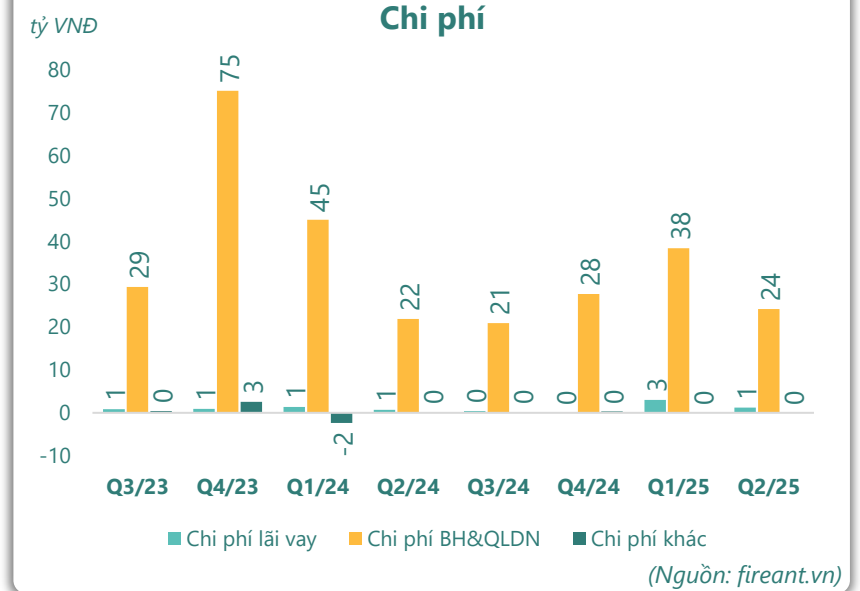
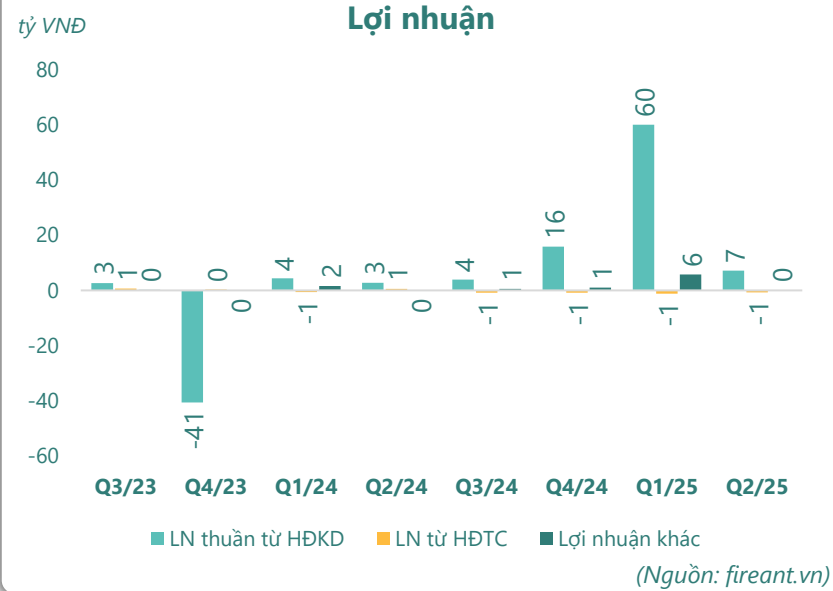
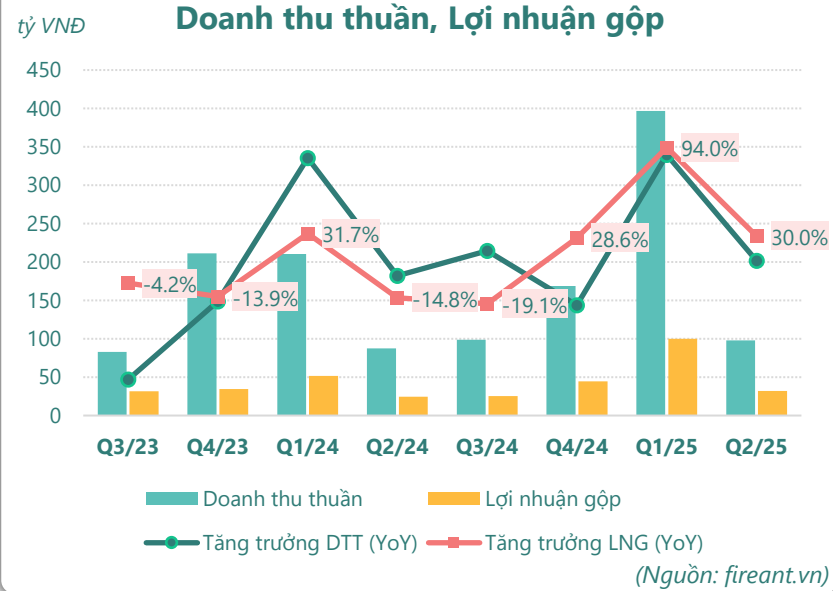
DT thuần 6T 2025
495
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 197 66.2%

LN thuần 6T 2025
67.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 60.3 856%

LN sau thuế 6T 2025
61.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 56.6 1239%



KẾT QUẢ KINH DOANH

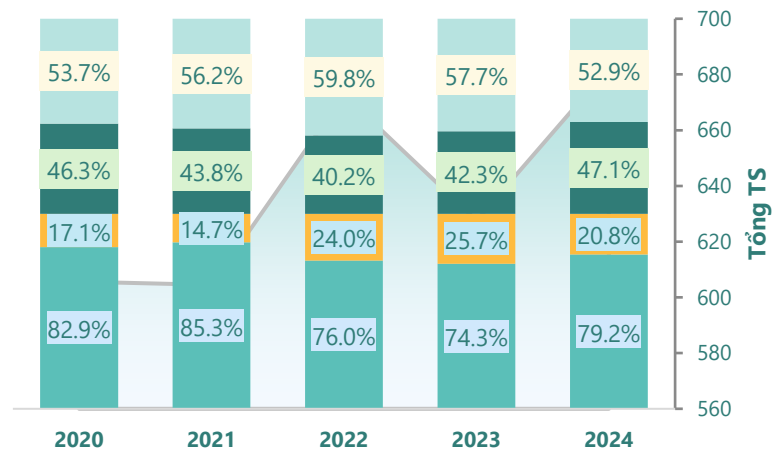




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

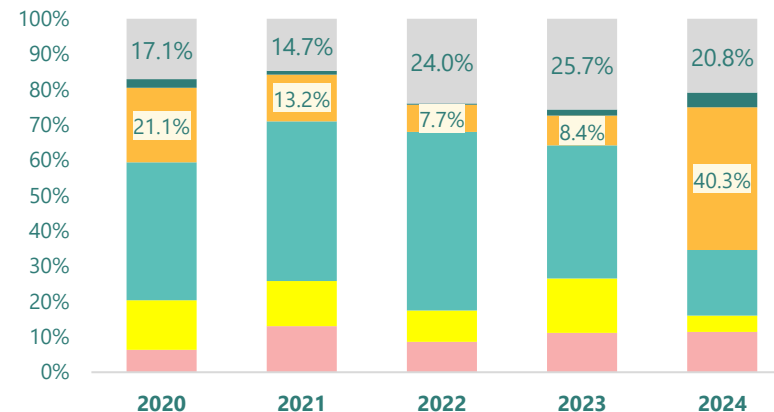
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

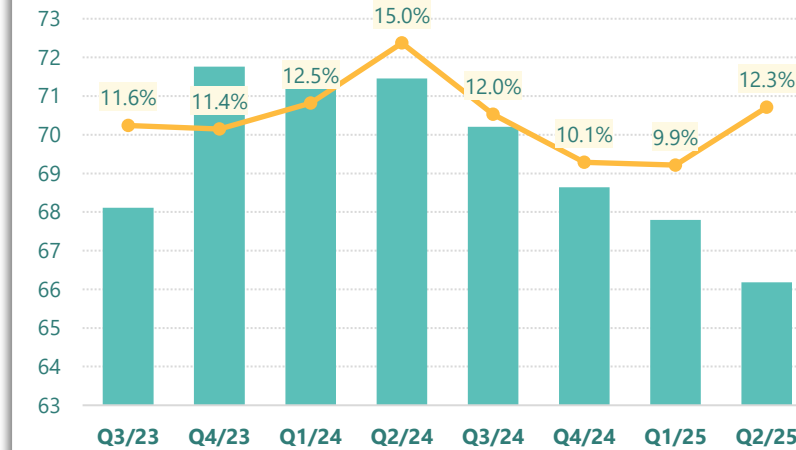


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

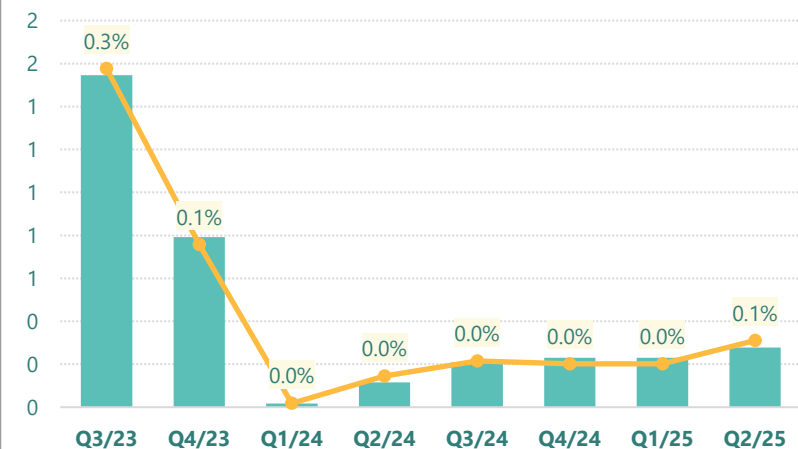


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

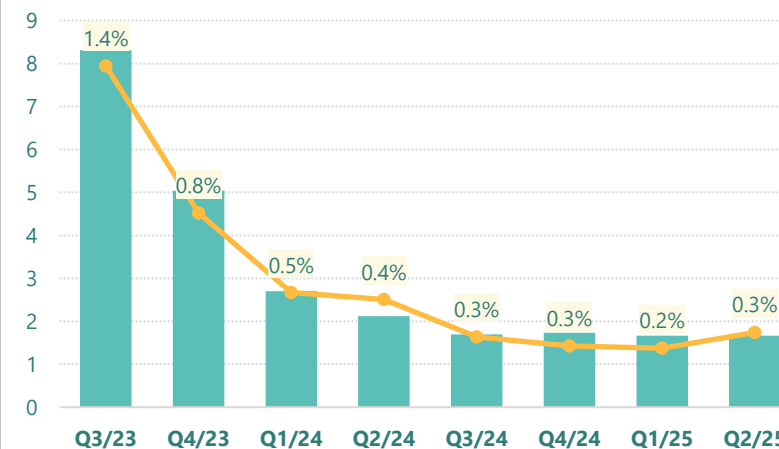


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

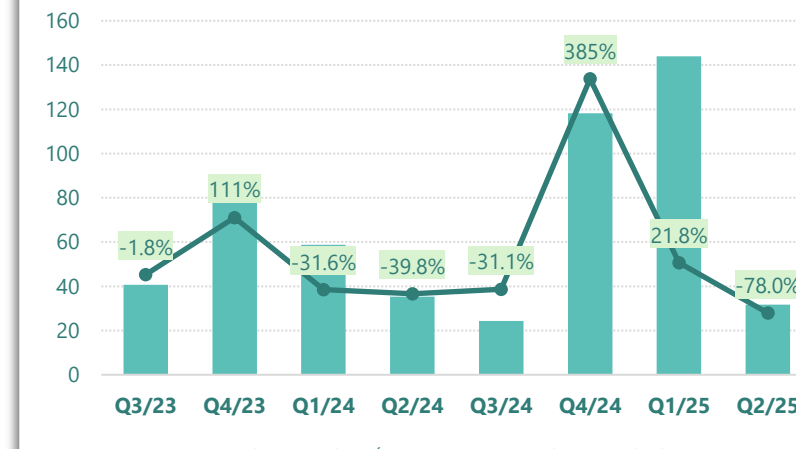


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

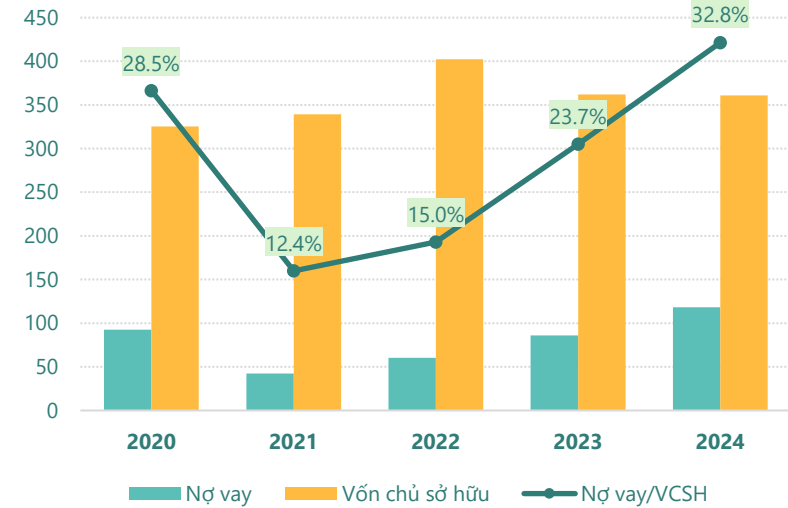
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

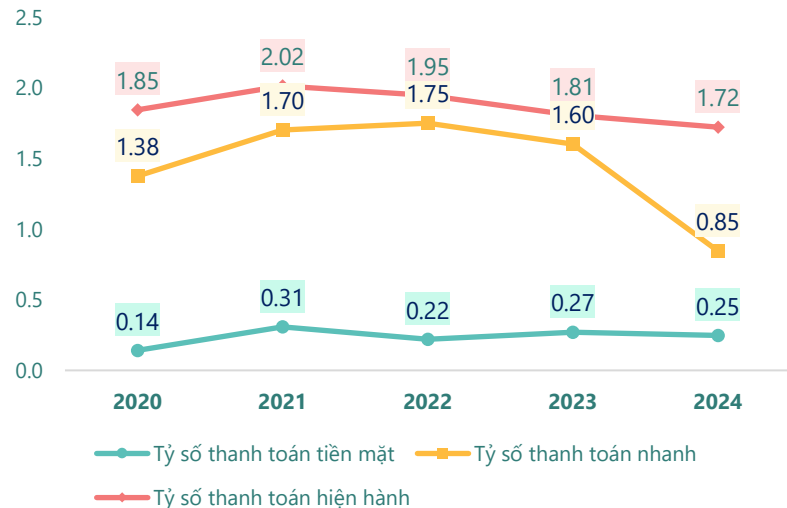
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



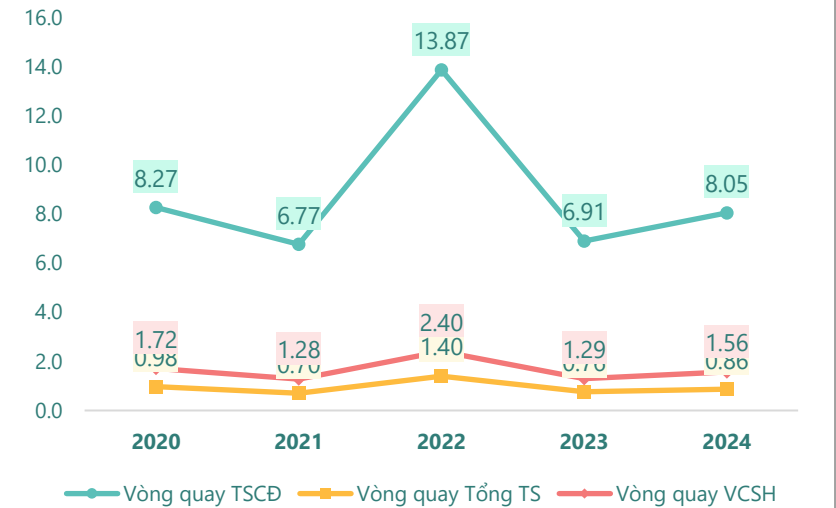
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



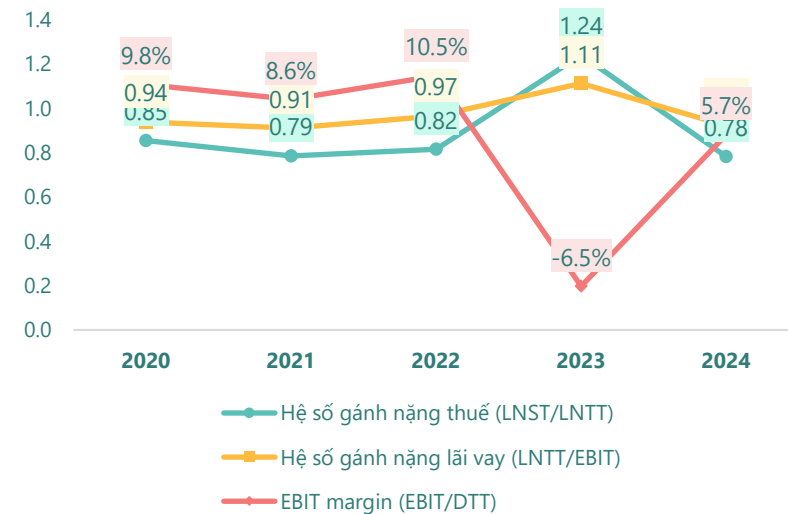
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



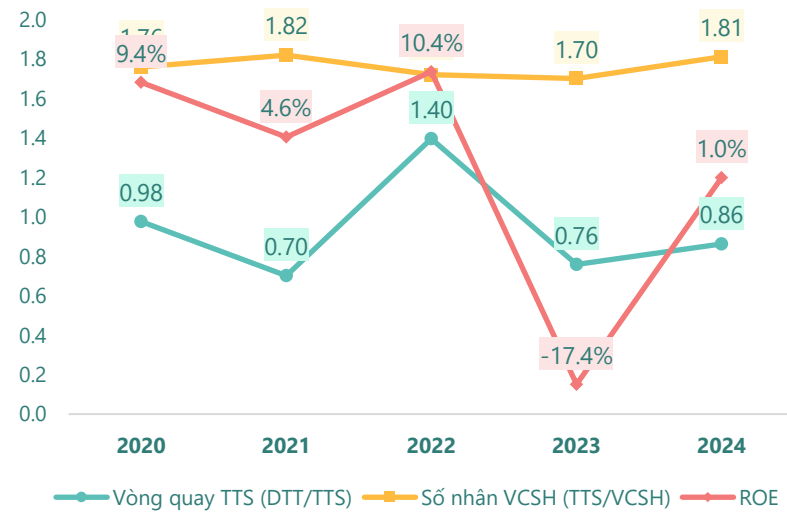
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

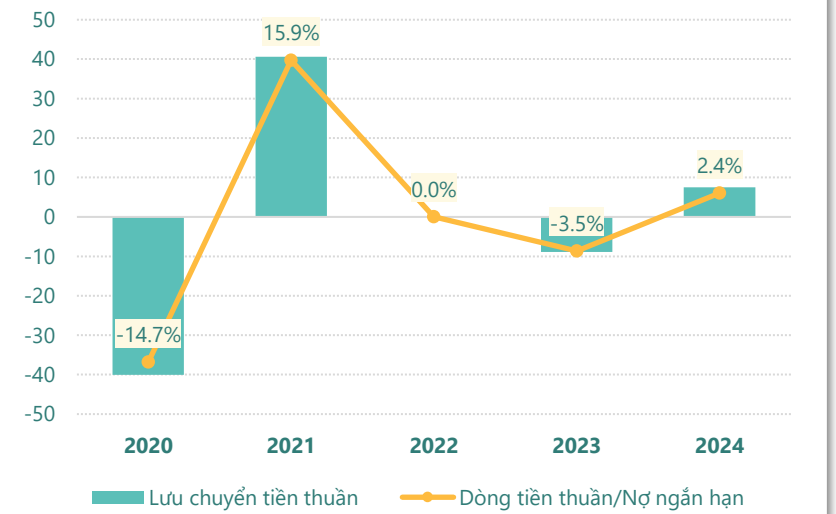
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	98.0	87.5	12.0%	495	298	66.2%
Giá vốn hàng bán	66.0	62.8	5.1%	363	222	63.7%
Lợi nhuận gộp	32.0	24.6	30.2%	132	76.1	73.2%
Doanh thu HĐTC	1.14	1.62	-29.8%	2.69	3.64	-26.2%
Chi phí TC	1.81	1.08	67.9%	4.57	3.71	23.0%
Chi phí lãi vay	1.23	0.70	75.1%	4.21	2.05	106%
LN trong công ty LKLD	0	-0.58	100%	-0.07	-2.00	96.4%
Chi phí bán hàng	10.9	10.7	1.9%	24.8	24.5	1.0%
Chi phí QLDN	13.3	11.2	18.9%	37.8	42.5	-10.9%
LN thuần từ HĐKD	7.13	2.71	163%	67.3	7.04	856%
Lợi nhuận khác	0.04	-0.10	139%	5.81	1.46	298%
LN trước thuế	7.17	2.61	175%	73.1	8.49	760%
Lợi nhuận sau thuế	5.40	0.94	475%	61.2	4.57	1239%
LNST của CĐ cty mẹ	0.00	-2.45	100%	42.8	-3.07	1493%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	71.0	-66.1	3.51	-77.4	-40.0	115
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.67	29.4	24.4	22.0	-16.9	-1.25
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.1	-29.9	-19.6	68.6	42.4	-116
Tiền đầu kỳ	69.9	123	56.1	64.3	77.6	63.0
Lưu chuyển tiền thuần	52.6	-66.5	8.30	13.2	-14.6	-1.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0.15	0.02	-0.17	0.16	0.03	-0.01
Tiền cuối kỳ	123	56.1	64.3	77.6	63.0	61.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	537	682	-21.3%
Tài sản ngắn hạn	403	540	-25.4%
Tiền và tương đương tiền	61.3	77.6	-21.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.9	31.8	-15.2%
Phải thu ngắn hạn	221	127	73.9%
Hàng tồn kho	81.6	275	-70.3%
Tài sản ngắn hạn khác	12.2	28.9	-57.6%
Tài sản dài hạn	134	142	-5.8%
Phải thu dài hạn	1.45	1.41	2.7%
Tài sản cố định	66.2	68.6	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.28	0.23	20.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.66	1.74	-4.2%
Tài sản dài hạn khác	2.28	3.90	-41.7%
Lợi thế thương mại	62.2	66.3	-6.3%
Nợ phải trả	131	322	-59.3%
Nợ ngắn hạn	121	313	-61.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.7	118	-73.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.1	76.3	-44.8%
Nợ dài hạn	9.59	8.32	15.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	406	361	12.5%
Vốn chủ sở hữu	406	361	12.5%
Vốn điều lệ	245	245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

